

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS- ST

Ngày: 04- 3- 2022

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn và ông Võ Văn Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

2. *Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 2, T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021) có mặt;

3. *Đồng bị đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị N; cùng địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 của đồng nguyên đơn ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Từ năm 2019 – 2020 vợ chồng anh T, chị N có bán thức ăn chăn nuôi là bột gà, vịt cho vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Nhung. Trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi, anh T và chị N còn nợ cộng dồn lại tính đến ngày 27/3/2021 với số tiền là 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và đã có giấy ghi nợ. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh T và chị N không thanh toán nợ cho vợ chồng ông T, bà N, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ông T và bà N đã nhiều lần đề nghị thanh toán. Do đó, ông T, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N phải thanh toán toàn bộ số nợ tổng cộng số tiền 217.833.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó tiền mua thức ăn là 207.500.000 đồng và 10.333.000 đồng tiền lãi, tính từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/9/2021 do

chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ; yêu cầu vợ chồng anh T và chị N phải trả tiền lãi chậm thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N thanh toán cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 217.833.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng) bao gồm nợ gốc số tiền 207.500.000 đồng và 10.333.000 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 207.500.000 đồng từ ngày 27/3/2021 tính đến ngày 27/9/2021 là 10.333.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh T trình bày:

Trước đây trong đơn khởi kiện anh T và chị N có yêu cầu anh T và chị N phải trả tổng cộng số tiền 217.833.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng), trong đó tiền mua thức ăn là 207.500.000 đồng và tiền lãi 10.333.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, anh T chỉ yêu cầu vợ chồng anh T và chị N phải trả số tiền 207.500.000 đồng, không yêu cầu vợ chồng anh T, chị N phải thanh toán tiền lãi từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/9/2021; yêu cầu anh T và chị N phải trả tiền lãi chậm thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

- Đồng bị đơn anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N trình bày qua bản tự khai ngày 02/11/2021, cũng như tại phiên tòa:

Năm 2019 vợ chồng anh T, chị N có mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà N, ông T. Trong quá trình chăn nuôi do dịch bệnh gà vịt chết hết, thua lỗ không có tiền để trả cho vợ chồng ông T, bà N nên vợ chồng anh T, chị N có nợ lại vợ chồng bà N, ông T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và có viết giấy ghi nợ từ ngày 27/3/2021. Nay ông T, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T và chị N phải trả 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng), anh T, chị N đề nghị phía ông T và bà N tạo điều kiện đầu tư bán nợ thức ăn gia súc để vợ chồng anh T, chị N tiếp tục chăn nuôi, sau đó sẽ trả nợ dần hoặc cho vợ chồng anh T, chị N nợ lại, đến khi nào vợ chồng anh có điều kiện thì sẽ trả đủ cho vợ chồng anh T, chị N, nếu anh T và chị N không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã C, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các

đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự: Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp về việc ký xác nhận nợ ghi trong sổ giao hàng, sự thừa nhận của đồng bị đơn là anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N về việc nợ tiền thức ăn chăn nuôi. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giao dịch dân sự giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T với vợ chồng anh Ngô Văn T, chị Nguyễn Thị N không bị vô hiệu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn: Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của đồng bị đơn là anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N; cư trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T, cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình tiền thức ăn chăn nuôi số tiền 207.500.000 đồng ((Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng)).

Vì vậy cần buộc vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp với các Điều 351 và 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn rút một phần yêu cầu vợ chồng anh T, chị N thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ 207.500.000 đồng từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/9/2021 là 10.333.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thỏa thuận với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi, các bên không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi vi phạm thời gian trả nợ; trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn cũng không đồng ý trả lãi đối với số tiền mua thức ăn chăn nuôi chậm trả; tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn rút yêu cầu đồng bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả. Xét thấy, yêu cầu của đại diện ủy quyền của đồng nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; việc đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là tự nguyện và có lợi cho đồng bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về rút yêu cầu đồng bị đơn trả tiền lãi số tiền 10.333.000 đồng là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn phải trả lãi cho đồng nguyên đơn tiền lãi chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ; vì vậy, cần buộc anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N phải trả lãi đối với khoản tiền nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên đồng nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; đồng bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T. Buộc đồng bị đơn là vợ chồng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N phải trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T số tiền 207.500.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (04/3/2022) cho đến khi anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N trả hết tiền nợ, hàng tháng anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/ Đình chỉ yêu cầu giải quyết khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc rút yêu cầu đồng bị đơn trả khoản tiền lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên số tiền nợ từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/9/2021.

3/ Về án phí: Buộc anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị N phải chịu 10.375.000 đồng (Mười triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Văn T số tiền 5.466.000 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004276 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/3/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

